TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN QUAN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21-8-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Tuấn

Bà Cam Thị Hồng

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Lục Quỳnh Trâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Ông Vi Doanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hà Văn N, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Hà Văn N trình bày như sau: Anh và chị Hoàng Thị T kết hôn từ năm 1990, trước khi kết hôn vợ chồng được tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình tổ chức kết hôn theo phong tục, tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2016 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do

vợ chồng bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 (hai) con chung tên là Hà Minh H, sinh ngày 24/5/1992 và Hà Diệu L, sinh ngày 02/01/2006, hiện nay cháu Hà Diệu L đang ở cùng chị Hoàng Thị T. Khi ly hôn anh đồng ý để chị Hoàng Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hà Diệu L đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.200.000 đồng, phương thức cấp dưỡng theo tháng. Còn cháu Hà Minh H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Về thời gian kết hôn đúng như anh Hà Văn N đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015 anh Hà Văn N có quan hệ với người phụ nữ khác, chị và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Hà Văn N không thay đổi, chị Hoàng Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh Hà Văn N yêu cầu ly hôn chị cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 (hai) con chung tên Hà Minh H, sinh ngày 24/5/1992 và Hà Diệu L, sinh ngày 02/01/2006, hiện nay cháu Hà Diệu L đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hà Diệu L, yêu cầu anh Hà Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng. Còn cháu Hà Minh H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại buổi hòa giải anh Hà Văn N và chị Hoàng Thị T đã tự thỏa thuận được các vấn đề sau:

Về con chung: Chị Hoàng Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà Diệu L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Hà Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Về tài sản chung: Anh Hà Văn N và chị Hoàng Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã chấp hành theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tiến hành lập hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần, tuân thủ nguyên tắc xét xử, trình tự, thủ tục phiên tòa. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Hà Văn N và chị Hoàng Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Hà Văn N và chị Hoàng Thị T: Chị Hoàng Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Diệu L, sinh ngày 02/01/2006 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hà Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng. Anh Hà Văn N phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh Hà Văn N và chị Hoàng Thị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét.

Về vay nợ chung: Không có , nên không đề cập xem xét.

Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Hà Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Hoàng Thị T có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự yêu cầu viết bản tự khai và lấy lời khai đương sự, cung cấp tài liệu

chứng cứ và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh Hà Văn N và chị Hoàng Thị T được hình thành trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Nhưng anh Hà Văn N và chị Hoàng Thị T không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa anh Hà Văn N và chị Hoàng Thị T là vợ chồng.

[5] Về con chung: Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa vợ chồng đã tự thỏa thuận khi ly hôn anh Hà Văn N đồng ý để chị Hoàng Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hà Diệu L đến khi đủ 18 tuổi, anh Hà Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng, phương thức cấp dưỡng theo tháng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận giữa anh Hà Văn N và chị Hoàng Thị T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của cháu Hà Diệu L. Do vậy cần công nhận sự thỏa thuận của anh Hà Văn N và chị Hoàng Thị T. Anh Hà Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Anh Hà Văn N và chị Hoàng Thị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Hà Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58; Điều 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hà Văn N và chị Hoàng Thị T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Hà Văn N và chị Hoàng Thị T, chị Hoàng Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Diệu L, sinh ngày 02/01/2006 đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hà Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/8/2019). Anh Hà Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh Hà Văn N và chị Hoàng Thị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Anh Hà Văn N và chị Hoàng Thị T tự thỏa, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Hà Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Xác nhận anh Hà Văn N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/03778 ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Anh Hà Văn N còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Hà Văn N và chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Văn Duy